

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 05/2026/HC-PT

Ngày: 30 - 9 - 2026

“V/v khiếu kiện Quyết định hành
chính trong quản lý đất đai”.

**NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Viết Hải

Các Thẩm phán: Bà Lê Hoài Thủy và bà Hoàng Thị Thanh Nhân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Anh Việt - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị: Bà Nguyễn Thị Lan Anh - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 30 tháng 9 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Quảng Trị mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 09/2026/TLPT-HC ngày 27 tháng 7 năm 2026, về việc: “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong quản lý đất đai*”. Do bản án hành chính sơ thẩm số: 03/2026/HC-ST ngày 11 tháng 6 năm 2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 6, tỉnh Quảng Trị bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 07/2026/QĐPT-HC ngày 28 tháng 8 năm 2026, giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Bà Hồ Thị L, sinh năm 1954; CCCD: 045154000405, cấp ngày 13/4/2021; địa chỉ: thôn C, xã T, tỉnh Quảng Trị, có mặt.

Đại diện theo uỷ quyền: Bà Lê Thị Tuyết N, sinh năm 1991; CCCD: 045191002754; địa chỉ: thôn N, xã T, tỉnh Quảng Trị, có mặt.

Người bị kiện:

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Q; địa chỉ: Số C, đường T, phường Đ, tỉnh Quảng Trị; có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Q: Ông Phạm Đình H - Phó giám đốc Văn phòng đất đai tỉnh Q, có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Quảng Trị.

Đại diện theo uỷ quyền: Ông Lê Xuân L1 - Phó chủ tịch UBND xã T, tỉnh Quảng Trị, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Lê Thanh H1, sinh năm 1980; CCCD: 045080004769, cấp ngày 06/12/2024; địa chỉ: thôn C, xã T, tỉnh Quảng Trị, có mặt.

2. Bà Trương Thị T; sinh năm 1980; CCCD: 045180007888; địa chỉ: thôn C, xã T, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.

Người kháng cáo: Bà Hồ Thị L, là người khởi kiện trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 23/12/2025, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà, người khởi kiện và người đại diện theo ủy quyền của bà Hồ Thị L trình bày:

Năm 1993, bà Hồ Thị L được Nhà nước công nhận có thửa đất ở tại thôn C, xã T, huyện T (nay là xã T, tỉnh Quảng Trị) và xây nhà trên thửa đất này theo diện 202. Do điều kiện nên bà L chưa làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng (CNQSDĐ) đối với thửa đất nêu trên. Ngày 22/12/2003, ông Lê Thanh H1 đã tự ý làm GCNQSDĐ tại thửa số 192, tờ bản đồ số 02 mang tên hộ ông Lê Thanh H1 mà không có sự đồng ý của bà Hồ Thị L. Sau khi kết hôn với bà Trương Thị Thanh T1 đến năm 2019, ông Lê Thanh H1 đã chuyển thửa số 192, tờ bản đồ số 02 thành thửa đất số 134, tờ bản đồ số 01 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q cấp ngày 17/12/2019, mang tên hộ ông Lê Thanh H1 và bà Trương Thị Thanh T2 thôn C, xã T (nay là xã T, tỉnh Quảng Trị). Năm 2022, ông Lê Thanh H1 và bà Trương Thị Thanh T2 ly hôn tại TAND huyện Triệu Phong theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự ngày 13/6/2022, giải quyết giao cho ông Lê Thanh H1 sử dụng thửa đất số 134, tờ bản đồ số 01 nhưng ông Lê Thanh H1 có nghĩa vụ trả giá trị chênh lệch chia tài sản chung cho bà Trương Thị T, với số tiền 650.000.000 đồng. Bà Hồ Thị L đang sinh sống tại thửa đất và ngôi nhà này thì Cơ quan thi hành án đến cưỡng chế thi bà L mới biết quyền và lợi ích bị xâm phạm.

Vì vậy, bà Hồ Thị L yêu cầu TAND khu vực 6, tỉnh Quảng Trị giải quyết: Hủy giấy CNQSDĐ số vào sổ cấp giấy CNQSDĐ 00820 do UBND huyện T, tỉnh Quảng Trị (nay là xã T, tỉnh Quảng Trị) cấp ngày 22/12/2003 cho hộ ông Lê Thanh H1 và giấy CNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành CT 943107, thửa đất số 134, tờ bản đồ số 01 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q cấp ngày 17/12/2019 cho hộ ông Lê Thanh H1 và bà Trương Thị T.

Người bị kiện Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Q và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Q, Văn phòng đất đai tỉnh Q: Tại công văn số 202/VPĐKĐĐ ngày 27/01/2026 Văn phòng đất đai tỉnh Q, có ý kiến:

- Quá trình cấp Giấy chứng nhận số CT 943107 cho hộ ông Lê Thanh H1 và bà Trương Thị Thanh D Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh cấp ngày 17/12/2019.

+ Ngày 22/12/2003, hộ ông Lê Thanh H1 được UBND huyện T cấp giấy chứng nhận số X 549696, với diện tích 198m² đất ở, thửa đất số 192, tờ bản đồ số 2 tại xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị.

+ Tháng 9/2013, Nhà nước thu hồi 40m² đất ở tại nông thôn để xây dựng công trình Đường Q vào nhà lưu niệm Cố Tổng Bí thư L, cầu S và cầu R theo hồ sơ số 549 và được Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất huyện T chỉnh lý Giấy CNQSDĐ (T).

+ Thực hiện dự án Đo đạc, lập bản đồ địa chính, cấp giấy CNQSDĐ và xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai huyện T. Hộ ông Lê Thanh H1 được UBND huyện T cấp đổi từ giấy CNQSDĐ số X 549696 cấp ngày 22/12/2003, diện tích 158m² đất ở, thuộc thửa đất số 192, tờ bản đồ số 2 tại xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị thành giấy CNQSDĐ số CI 783448 cấp ngày 29/6/2018 cho hộ ông Lê Thanh H1 và bà Trương Thị T, diện tích 164m² (trong đó 158m² đất ở tại nông thôn và 6m² đất trồng cây hàng năm khác) tại thôn C, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị.

+ Ngày 17/12/2019, Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Q thừa ủy quyền của Sở T ký giấy CNQSDĐ số CT 943107 cho hộ ông Lê Thanh H1 và bà Trương Thị T thừa đất số 134, tờ bản đồ số 01, diện tích 164m² (trong đó 158m² đất ở tại nông thôn và 6m² đất trồng cây hàng năm khác).

- Ý kiến về yêu cầu khởi kiện nội dung huỷ GCNQSDĐ số CT 943107:

+ Về thành phần hồ sơ: Theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ T3 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 2 Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ T3 thì hồ sơ cấp GCNQSDĐ cho hộ ông Lê Thanh H1 và bà Trương Thị T có đầy đủ thành phần: Đơn đề nghị cấp lại, cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (ký ngày 09/12/2019), Bản đồ thửa đất (ký ngày 11/12/2019), Giấy chứng nhận số CI 783448. Do đó, thành phần hồ sơ đảm bảo đầy đủ nội dung theo quy định.

+ Về thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận: Việc Văn phòng Đăng ký đất đai thừa ủy quyền của Sở T ký cấp GCNQSDĐ số CT 943107 ngày 17/12/2019, thửa đất số 134, tờ bản đồ số 01, diện tích 164m² (trong đó: Đất ở tại nông thôn 164m², đất trồng cây hàng năm khác 6m²) tại thôn C, xã T, huyện T tỉnh Quảng Trị cho hộ ông Lê Thanh H1 và bà Trương Thị T là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 105 Luật Đất đai năm 2013.

+ Về trình tự thực hiện: Trên cơ sở Đơn đề nghị cấp lại, cấp đổi giấy CNQSDĐ, Bản đồ thửa đất, Giấy chứng nhận số CI 783448; Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 99 Luật Đất đai năm 2013, Điều 79 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện T đã kiểm tra hồ sơ, xác nhận đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận theo quy định. Căn cứ kết quả kiểm tra đã nêu trên, Văn phòng Đ đã thẩm định hồ sơ, thừa ủy quyền của Sở T ký cấp Giấy chứng nhận số CT 943107.

Như vậy, việc Sở T cấp giấy CNQSDĐ số CT 943107 là đảm bảo đầy đủ thành phần hồ sơ, đúng thẩm quyền và đúng quy định của pháp luật. Nay, bà Hồ Thị L có yêu cầu huỷ giấy CNQSDĐ số CT 943107 là không có cơ sở. Vì vậy, đề nghị TAND khu vực 6, tỉnh Quảng Trị xem xét, giải quyết vụ việc theo đúng quy định của pháp luật.

Tại biên bản hòa giải ngày 13/3/2026, Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Quảng Trị trình bày: Quy trình cấp đất đảm bảo theo đúng quy định pháp luật. Giai đoạn cấp đất vào năm 2003 cho hộ ông Lê Thanh H1, phải xem xét trong hộ ông H1 gồm những ai, có bà L hay không.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, bà Trương Thị T trình bày:

Việc nhà nước giao cho quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất có thu tiền sử dụng đất 158m² đất ở và 6m² đất trồng cây hàng năm khác tại thửa đất số 134, tờ bản đồ số 1; địa chỉ: thôn C, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị (địa chỉ cũ) của bà và ông Lê Thanh H1 là hợp pháp và đúng quy định của pháp luật lần đầu vào ngày 22 tháng 12 năm 2003. Sau khi được cấp giấy CNQSDĐ thì đến năm 2008 vợ chồng bà xây dựng ngôi nhà đồ bằng kiên cố như hiện trạng, có trị giá 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng). Đến ngày 17 tháng 12 năm 2019, nhà nước cấp giấy CNQSDĐ mới lần thứ hai cho bà và ông H1 theo diện quy chế mẫu sổ mới của nhà nước theo quy chế hiện hành.

Tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự ngày 13/6/2022, giải quyết giao cho ông Lê Thanh H1 sử dụng thửa đất số 134, tờ bản đồ số 01 do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 17/12/2019, tại: thôn C, xã T (nay là xã T, tỉnh Quảng Trị), ông Lê Thanh H1 có nghĩa vụ trả giá trị chênh lệch chia tài sản cho bà Trương Thị T, số tiền là 650.000.000 đồng. Khi cơ quan thi hành án dân sự tiến hành cưỡng chế kê biên tài sản này thì ông H1 cố tình không chấp hành và không hợp tác trong các quá trình với các thủ tục cơ quan nhà nước làm kéo dài ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà. Khi bà lấy chồng và sinh sống cùng chồng và các con trên thửa đất 134, tờ bản đồ số 01 thì bà L không sống cùng mà bà L ở một cái nhà cũ cấp 4 khu đất gần đó thỉnh thoảng bà có qua nhà chơi và trong hộ khẩu hộ gia đình cũ của bà cùng ông H1 và các con do các cơ quan chức năng cấp theo từng thời kì hoàn toàn không có tên bà L sống cùng. Việc cơ quan nhà nước cấp giấy CNQSDĐ đối với thửa đất 134, tờ bản đồ số 01 đã hơn 20 năm, đã qua hai lần cấp lần đầu và cấp mới đều được cơ quan có thẩm quyền niêm yết công khai minh bạch rõ ràng tại địa phương thì giữa gia đình cũ của bà và bà Hồ Thị L chưa từng có một sự tranh chấp về đất đai. Vì vậy, bà Trương Thị T đề nghị Tòa án bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị L

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lê Thanh H1, trình bày: Việc làm giấy CNQSDĐ là do ông tự ý đi làm không thông qua ý kiến của bà Lê Thị L2. Nguồn gốc mảnh đất này là của mẹ ông (bà L2), năm 1999 nhà nước cấp cho mẹ ông một ngôi nhà theo diện 202. Trong quá trình vợ chồng sinh sống thì có xây dựng, coi như thêm ngôi nhà hiện tại. Bà L2 không chung sống cùng hộ khẩu với ông và bà T. Năm 2019, ông ký vào thủ tục cấp đổi giấy CNQSDĐ mang tên ông và bà T. Vì vậy, ông đề nghị TAND khu vực 6, tỉnh Quảng Trị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị L.

Tại bản án hành chính sơ thẩm số 03/2026/HC-ST ngày 11 tháng 6 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 6, tỉnh Quảng Trị quyết định: Căn cứ khoản 1, 2 Điều 3; khoản 2 Điều 31, điểm a khoản 2 Điều 116, điểm b khoản 2 Điều 157, khoản 1, 2 Điều 158, điểm a khoản 2 Điều 193, khoản 1 Điều 348 của Luật Tổ tụng hành chính; khoản 1 Điều 99, khoản 3 Điều 105 Luật đất đai 2013; khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị L, về yêu cầu huỷ giấy CNQSDĐ số vào sổ cấp giấy CNQSDĐ 00820 do UBND huyện T, tỉnh Quảng Trị (nay là

xã T, tỉnh Quảng Trị) cấp ngày 22/12/2003 cho hộ ông Lê Thanh H1 và giấy CNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CT 943107 do sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q cấp ngày 17/12/2019 cho hộ ông Lê Thanh H1 và bà Trương Thị T.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 23 tháng 6 năm 2026, người khởi kiện bà Hồ Thị L làm đơn kháng cáo với nội dung. Yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị hủy bỏ Bản án hành chính sơ thẩm số 03/2026/HCST ngày 11/6/2026.

Tại phiên tòa, người khởi kiện và người đại diện theo uỷ quyền của người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và nội dung kháng cáo. Người bị kiện, người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của người bị kiện và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan giữ nguyên ý kiến, quan điểm. Các đương sự không đối thoại được với nhau về việc giải quyết vụ án và đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Đây là các quyết định hành chính của cơ quan hành chính Nhà nước trong lĩnh vực quản lý đất đai nên thuộc đối tượng khởi kiện trong vụ án hành chính và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 6, tỉnh Quảng Trị. Quá trình thụ lý xét xử vụ án: Thẩm phán, Thư ký cấp phúc thẩm chấp hành đúng, đầy đủ quy định của Luật tố tụng hành chính. Những người tham gia tố tụng khác thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của luật Tố tụng hành chính.

Về nội dung: Qua xem xét, đánh giá các tài liệu, chứng được thu thập trong hồ sơ vụ án, ý kiến của những người tham gia tố tụng. Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính. Không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện bà Hồ Thị L và giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 03/2026/HC-ST ngày 11/6/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 6, tỉnh Quảng Trị. Kháng cáo của người khởi kiện không được chấp nhận nên phải chịu án phí. Tuy nhiên, bà L là người cao tuổi nên được miễn án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngày 23/6/2026, người khởi kiện bà Hồ Thị L làm đơn kháng cáo Bản án hành chính sơ thẩm số 03/2026/HCST ngày 11/6/2026. Đơn kháng cáo của người khởi kiện làm trong hạn luật định, đảm bảo về người kháng cáo, hình thức, nội dung kháng cáo và được miễn nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo quy định tại các Điều 204, 205, 206 Luật tố tụng hành chính. Vì vậy, kháng cáo của người khởi kiện được xem xét theo trình tự, thủ tục phúc thẩm theo quy định tại các Điều 32, 32a Luật tố tụng hành chính.

[2] Về đối tượng khởi kiện, thẩm quyền giải quyết vụ án và thời hiệu khởi kiện: Ngày 23/12/2025, bà Hồ Thị L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết hủy giấy CNQSDĐ số phát hành X 549696, vào sổ cấp giấy CNQSDĐ số 00820 do UBND huyện T, tỉnh Quảng Trị (nay là xã T, tỉnh Quảng Trị) cấp ngày 22/12/2003 cho hộ ông Lê Thanh H1 và giấy CNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CT 943107 do Sở T cấp ngày 17/12/2019 cho hộ ông Lê Thanh H1 và bà Trương Thị T. Đây là các Quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai nên thuộc đối tượng khởi kiện trong vụ án hành chính và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 6, tỉnh Quảng Trị. Đến đầu tháng 12/2025, thông qua quyết định cưỡng chế Thi hành án Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự ngày 13/6/2022, giữa ông Lê Thanh H1 và bà Trương Thị T liên quan đến thửa đất số 134, tờ bản đồ số 01 do Sở T cấp ngày 17/12/2019, nên bà L mới biết được thửa đất số 134, tờ bản đồ số 01 mà bà L sử dụng đã được cấp giấy CNQSDĐ cho hộ ông H1, bà T. Vì vậy, ngày 23/12/2025 bà L làm đơn khởi kiện yêu cầu hủy các giấy CNQSDĐ đã cấp cho hộ ông H1, bà T là nằm trong thời hiệu khởi kiện. Vì vậy, Tòa án nhân dân khu vực 6, tỉnh Quảng Trị thụ lý, giải quyết vụ án hành chính là phù hợp quy định tại các khoản 1, 2 Điều 3; khoản 1 Điều 30; Điều 31; khoản 1 Điều 31a và Điều 116 Luật tổ tụng hành chính.

[3] Xét kháng cáo của bà Hồ Thị L, Hội đồng xét xử thấy:

[3.1] Xét về nguồn gốc thửa đất số 192, tờ bản đồ số 2, xã T, huyện T (nay là thửa đất số 134, tờ bản đồ số 01, xã T tỉnh Quảng Trị) đã được UBND huyện T, tỉnh Quảng Trị (cũ) cấp giấy CNQSDĐ mang tên hộ ông Lê Thanh H1. Căn cứ vào hồ sơ địa chính lập năm 1997, sổ mục kê năm 1997, thửa đất 192 thuộc thửa đất số 193, tờ bản đồ số 02 do UBND xã T (cũ) quản lý, có diện tích 5.852m² và tại biên bản kiểm tra về việc giao đất và cấp giấy CNQSDĐ ngày 06/9/2003 do UBND xã T (cũ) thể hiện. Thửa đất số 192, tờ bản đồ số 02 có nguồn gốc là đất màu UBND xã đã quy hoạch đất ở khi giao đất 64. Tại đơn xin giao đất và cấp giấy CNQSDĐ ngày 05/9/2003 do ông Lê Thanh H1 và bà Trương Thị T ký tên thể hiện. Vị trí khu đất xin giao, tờ bản đồ số 2, thửa đất số 192, xã T, huyện T; diện tích xin giao là 198m², hiện trạng khu đất xin giao: đất màu; nguồn gốc khu đất xin giao: Đất quy hoạch khu dân cư do UBND xã quản lý. Ngày 22/12/2003, UBND huyện T ban hành Quyết định số 1068/2003/QĐ-UB. Giao cho hộ ông Lê Thanh H1 và bà Trương Thị T, diện tích 198m² đất, thuộc thửa đất số 192, tờ bản đồ số 2, xã T, huyện T để sử dụng vào mục đích đất ở. Ngoài ra, tại Công văn số: 549/UBND-TP ngày 13/5/2026 của UBND xã T thể hiện “UBND xã đã chỉ đạo các cơ quan chuyên môn tiến hành kiểm tra, rà soát hồ sơ lưu trữ tại địa phương. Hiện nay, UBND xã không có hồ sơ lưu trữ liên quan đến việc xây dựng nhà ở diện 202 đối với thửa đất số 192, tờ bản đồ số 2 do UBND huyện T cấp ngày 22/12/2003 cho hộ ông Lê Thanh H1” và tại công văn số 579/CAX-CSKV ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Công an xã T thể hiện “Vào thời điểm ngày 22/12/2003: Hộ gia đình ông Lê Thanh H1 gồm có 02 nhân khẩu bao gồm các thành viên sau: 1. Lê Thanh H1, sinh năm 1980, CCCD số: 045080004769; 2. Trương Thị T, sinh năm 1980, CCCD số:

045180007888”. Vì vậy, có căn cứ xác định tại thời điểm cấp giấy CNQSDĐ số phát hành X 549696, vào sổ cấp giấy CNQSDĐ số 00820 do UBND huyện T, tỉnh Quảng Trị (nay là xã T, tỉnh Quảng Trị) cấp ngày 22/12/2003 cho hộ ông Lê Thanh H1 và bà Trương Thị T thì thửa đất 192, tờ bản đồ số 02 là đất màu, do UBND xã quản lý và không có tài sản là ngôi nhà xây dựng theo diện 202 như ý kiến trình bày của bà Hồ Thị L. Bà L cũng không có tên trong hộ khẩu ông Lê Thanh H1. Bà L cũng không cung cấp được các tài liệu, chứng cứ chứng minh nguồn gốc thửa đất nói trên là do cơ quan Nhà nước cấp cho vợ chồng bà L và bà làm nhà theo diện 202 để sinh sống trên thửa đất, nên không có cơ sở xác định thửa đất số 192, tờ bản đồ số 02 thuộc quyền sử dụng của bà L.

[3.2] Xét thẩm quyền, trình tự, thủ tục cấp giấy CNQSDĐ số phát hành X 549696, vào sổ cấp giấy CNQSDĐ số 00820 do UBND huyện T, tỉnh Quảng Trị (nay là xã T, tỉnh Quảng Trị) cấp ngày 22/12/2003 cho hộ ông Lê Thanh H1 và giấy CNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành CT 943107 do Sở T cấp ngày 17/12/2019 cho hộ ông Lê Thanh H1 và bà Trương Thị T, Hội đồng xét xử thấy:

Như phân tích, nhận định ở mục [3.1], cũng như các tài liệu chứng cứ được thu thập trong hồ sơ vụ án, có căn cứ xác định. Ngày 05/9/2003, ông Lê Thanh H1 và bà Trương Thị Thanh L3 đơn xin giao đất và cấp giấy CNQSDĐ, mục đích xin giao làm nhà ở, vị trí khu đất xin giao, tờ bản đồ số 02, thửa đất số 192, xã T, huyện T; diện tích xin giao là 198m², hiện trạng khu đất xin giao: đất màu; nguồn gốc khu đất xin giao: đất quy hoạch khu dân cư do UBND xã quản lý. Căn cứ vào hồ sơ địa chính lập năm 1997, sổ mục kê năm 1997, cơ quan có thẩm quyền xác định thửa đất 192 thuộc thửa đất số 193, tờ bản đồ số 02 do UBND xã T (cũ) quản lý, có diện tích 5.852m² và có nguồn gốc là đất màu, UBND xã đã quy hoạch đất ở khi giao đất 64. UBND xã T, huyện T tiến hành lập hồ sơ giao đất, cấp giấy CNQSDĐ và có tờ trình về việc giao đất và cấp giấy CNQSDĐ gửi UBND huyện T, tỉnh Quảng Trị (cũ), phòng Nông Nghiệp - Địa chính huyện T đã tiến hành thẩm định hồ sơ và đề nghị UBND huyện T giao đất và cấp giấy CNQSDĐ. Ngày 22/12/2003, UBND huyện T ban hành Quyết định số 1068/2003/QĐ-UB về việc giao đất, cấp giấy CNQSDĐ. Quyết định giao cho hộ ông Lê Thanh H1 và bà Trương Thị T 198m² đất, thuộc thửa đất số 92, tờ bản đồ số 02; xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị để sử dụng vào mục đích đất ở; thời hạn sử dụng lâu dài và cấp giấy CNQSDĐ số X 549696, vào sổ cấp giấy CNQSDĐ số 00820 cho hộ ông Lê Thanh H1 và bà Trương Thị T. Tháng 9/2013, Nhà nước thu hồi 40m² đất ở tại nông thôn để xây dựng công trình Đường Q vào nhà lưu niệm Cố Tổng Bí thư L, cầu S và cầu R theo hồ sơ số 549 và được Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất huyện T chỉnh lý giấy CNQSDĐ (T). Thực hiện dự án đo đạc, lập bản đồ địa chính, cấp giấy CNQSDĐ và xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai huyện T. Hộ ông Lê Thanh H1 được UBND huyện T cấp đổi từ giấy CNQSDĐ số X 549696 cấp ngày 22/12/2003, diện tích 158m² đất ở, thuộc thửa đất số 192, tờ bản đồ số 02 tại xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị thành giấy CNQSDĐ số phát hành CI 783448 cấp ngày 29/6/2018 cho hộ ông Lê Thanh H1 và bà Trương Thị T, diện tích 164m² (trong đó 158m² đất ở tại nông thôn và 6m²

đất trồng cây hàng năm khác) tại thôn C, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị. Ngày 17/12/2019, Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Q thừa uỷ quyền của Sở T ký giấy CNQSDĐ số CT 943107 cho hộ ông Lê Thanh H1 và bà Trương Thị T, tại thửa đất số 134, tờ bản đồ số 01, diện tích 164 m² (trong đó 158m² đất ở tại nông thôn và 6m² đất trồng cây hàng năm khác).

Vì vậy, ngày 22/12/2003 UBND huyện T, tỉnh Quảng Trị (cũ) cấp giấy CNQSDĐ số phát hành X 549696, vào sổ cấp giấy CNQSDĐ số 00820 cho hộ ông Lê Thanh H1 và ngày 17/12/2019, Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Q thừa uỷ quyền của Sở T ký giấy CNQSDĐ số phát hành CT 943107 cho hộ ông Lê Thanh H1 và bà Trương Thị T, tại thửa đất số 134, tờ bản đồ số 01, diện tích 164m² là đảm bảo về thẩm quyền, trình tự, thủ tục và căn cứ pháp luật theo quy định tại các Điều 49, 50, 52, 123 Luật Đất đai năm 2003; các Điều 99, 100, 105 Luật đất đai năm 2013; các Điều 135, 136, 137 Luật Đất đai năm 2024 và các văn bản hướng dẫn luật đất đai qua các thời kỳ. Do đó, việc nguyên đơn bà Hồ Thị L yêu cầu hủy các giấy CNQSDĐ số phát hành X 549696, vào sổ cấp giấy CNQSDĐ số 00820 do UBND huyện T, tỉnh Quảng Trị (nay là xã T, tỉnh Quảng Trị) cấp ngày 22/12/2003 cho hộ ông Lê Thanh H1 và giấy CNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành CT 943107 do Sở T cấp ngày 17/12/2019 cho hộ ông Lê Thanh H1 và bà Trương Thị T là không có căn cứ chấp nhận.

Từ những phân tích, nhận định tại mục [3]. Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện bà Hồ Thị L là có căn cứ, phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của các đương sự và quy định của pháp luật. Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát. Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính, bác kháng cáo của người khởi kiện bà Hồ Thị L và giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 03/2026/HC-ST ngày 11/6/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 6, tỉnh Quảng Trị.

[4] Về án phí phúc thẩm: Người khởi kiện bà Hồ Thị L là người cao tuổi nên được miễn án phí.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241; khoản 1, 2 Điều 3; khoản 1 Điều 30; Điều 31; khoản 1 Điều 31a, Điều 32, Điều 32a, Điều 116, Điều 204, 205, 206, Điều 242, 348, Điều 349 Luật tố tụng hành chính; các Điều 49, 50, 52, 123 Luật Đất đai năm 2003; các Điều 99, 100, 105 Luật đất đai năm 2013; các Điều 135, 136, 137 Luật Đất đai năm 2024; khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Bác kháng cáo của người khởi kiện bà Hồ Thị L và giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 03/2026/HC-ST ngày 11/6/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 6, tỉnh Quảng Trị.

2. Bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện bà Hồ Thị L, về yêu cầu huỷ giấy CNQSDĐ số phát hành X 549696, vào sổ cấp giấy CNQSDĐ số 00820 do UBND huyện T, tỉnh Quảng Trị (nay là xã T, tỉnh Quảng Trị) cấp ngày 22/12/2003 cho hộ ông Lê Thanh H1 và giấy CNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành CT 943107 do sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q cấp ngày 17/12/2019 cho hộ ông Lê Thanh H1 và bà Trương Thị T.

3. Về án phí phúc thẩm: Người khởi kiện bà Hồ Thị L được miễn án phí phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- VKSND Tối cao;
- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- Thi HADS tỉnh Quảng Trị;
- TAND khu vực 6;
- VKSND khu vực 6;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV;
- Tổ HCTP;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã Ký)

Dương Viết Hải